

Số: ~~3847~~/BGDDĐT-NGCBQLGD
V/v tổ chức thi thăng hạng CDNN
giảng viên cao cấp (hạng I), giảng
viên chính (hạng II) năm 2017

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2017

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng sư phạm công lập.



Thực hiện Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Nghị định số 29/2012/NĐ-CP), Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV); trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ, ngày 13/5/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn gửi các Bộ, ngành, địa phương về việc tổ chức thi thăng hạng năm 2016 (Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD). Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai công việc liên quan tới công tác tổ chức kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp, giảng viên chính (Quyết định số 1705/QĐ-BNV ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc thành lập Hội đồng thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 2072/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng thi thăng hạng CDNN từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2016) và đã rà soát, tổng hợp danh sách giảng viên dự thi thăng hạng CDNN gửi Bộ Nội vụ để thẩm định theo quy định.

Ngày 21/7/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT). Để tiếp tục triển khai kỳ thi thăng hạng nói trên vào năm 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo một số nội dung sau:

I. THI THĂNG HẠNG TỪ GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)

1. Đối tượng dự thi

Theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

2. Điều kiện dự thi

Theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT và quy định chi tiết tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD. Đối với tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ theo quy định, Hội đồng thi chỉ chấp nhận các trường hợp có văn

bằng (hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng của cơ sở đào tạo), chứng chỉ yêu cầu. Về thời gian giữ ngạch/hạng giảng viên (mã số: 15.111 hoặc V.07.01.03) hoặc tương đương, viên chức dự thi phải có thời gian tối thiểu là 09 năm (đủ 108 tháng) đối với người có bằng thạc sĩ, 06 năm (đủ 72 tháng) đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó, thời gian gần nhất giữ ngạch giảng viên, mã số: 15.111 hoặc hạng CDNN giảng viên, mã số: V.07.01.03 tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng) tính đến hết ngày 30/9/2017 (thời gian giữ ngạch/hạng được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm ngạch/hạng có hiệu lực đến hết ngày 30/9/2017).

3. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Viên chức dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) năm 2017 phải dự thi đủ các bài thi sau:

3.1. Bài thi kiến thức chung

Theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.2. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

Theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.3. Bài thi ngoại ngữ

Theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.4. Bài thi tin học

3.4.1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn CDNN giảng viên chính (hạng II).

3.4.2. Hình thức thi: Thực hành trên máy vi tính.

3.4.3. Thời gian thi: 45 phút.

4. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II)

4.1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên. Các chứng chỉ ngoại ngữ nói trên còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến hết ngày 30/9/2017.

4.2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại mục 4.1 phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

4.3. Yêu cầu: Viên chức dự thi thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ phải trình Hội đồng thi (tại địa điểm thi) minh chứng miễn thi, bao gồm:

- Bản gốc văn bằng hoặc chứng chỉ được miễn thi theo quy định để đối chiếu trực tiếp tại Hội đồng thi;

- Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ được miễn thi được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi;

- Bản sao công nhận văn bằng (do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp) được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành, được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi (đối với trường hợp miễn thi quy định tại điểm a mục 4.1).

5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II)

5.1. Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

5.2. Yêu cầu: Viên chức dự thi thuộc diện được miễn thi tin học phải trình Hội đồng thi (tại địa điểm thi) minh chứng miễn thi, bao gồm:

- Bản gốc văn bằng được miễn thi theo quy định để đối chiếu trực tiếp tại Hội đồng thi;

- Bản sao văn bằng được miễn thi được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi.

6. Về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên chính (hạng II)

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả thi thăng hạng thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải có trách nhiệm cử viên chức đã tham dự kỳ thi thăng hạng CDNN năm 2017 tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng CDNN dự thi. Trường hợp viên chức được cử đi bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng CDNN dự thi mà không tham gia khóa bồi dưỡng hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm viên chức vào hạng CDNN trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

II. THI THĂNG HẠNG TỪ GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I)

1. Đối tượng dự thi

Theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

2. Điều kiện dự thi

Theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT và quy định chi tiết tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD. Đối với tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ theo quy định, Hội đồng thi chỉ chấp nhận các trường hợp có văn bằng (hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng của cơ sở đào tạo), chứng chỉ yêu cầu. Về thời gian giữ ngạch/hạng giảng viên chính (mã số: 15.110 hoặc V.07.01.02) hoặc tương đương, viên chức dự thi phải có thời gian tối thiểu là 06 năm (đủ 72 tháng); trong đó, thời gian gần nhất giữ ngạch/hạng giảng viên chính, mã số: 15.111 hoặc hạng CDNN giảng viên chính, mã số: V.07.01.02 tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng) tính đến hết ngày 30/9/2017 (thời gian giữ ngạch/hạng được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm ngạch/hạng có hiệu lực đến hết ngày 30/9/2017).

3. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Viên chức dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2017 phải dự thi đủ các bài thi sau:

3.1. Bài thi kiến thức chung

Theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.2. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

Theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.3. Bài thi ngoại ngữ

Theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.4. Bài thi tin học

3.4.1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn CDNN giảng viên cao cấp (hạng I).

3.4.2. Hình thức thi: Thực hành trên máy vi tính.

3.4.3. Thời gian thi: 45 phút.

4. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)

4.1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 500 điểm, TOEFL CBT 173 điểm, TOEFL iBT 61 điểm, IELTS 5,5 điểm trở lên. Các chứng chỉ ngoại ngữ nói trên còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến hết ngày 30/9/2017.

4.2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại mục 4.1 phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

4.3. Yêu cầu: Viên chức dự thi thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ phải trình Hội đồng thi (tại địa điểm thi) minh chứng miễn thi, bao gồm:

- Bản gốc văn bằng hoặc chứng chỉ được miễn thi theo quy định để đối chiếu trực tiếp tại Hội đồng thi;

- Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ được miễn thi được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi;

- Bản sao công nhận văn bằng (do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp) được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành, được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi (đối với trường hợp miễn thi quy định tại điểm a mục 4.1).

5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)

5.1. Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

5.2. Yêu cầu: Viên chức dự thi thuộc diện được miễn thi tin học phải trình Hội đồng thi (tại địa điểm thi) minh chứng miễn thi, bao gồm:

- Bản gốc văn bằng được miễn thi theo quy định để đối chiếu trực tiếp tại Hội đồng thi;

- Bản sao văn bằng được miễn thi được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi.

6. Về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả thi thăng hạng thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải có trách nhiệm cử viên chức đã tham dự kỳ thi thăng hạng CDNN năm 2017 tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng CDNN dự thi. Trường hợp viên chức được cử đi bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng CDNN dự thi mà không tham gia khóa bồi dưỡng hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm viên chức vào hạng CDNN trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

III. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CÁC KỲ THI THĂNG HẠNG

1. Dự kiến thời gian tổ chức các kỳ thi thăng hạng

Kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp dự kiến tổ chức vào quý IV năm 2017.

2. Dự kiến địa điểm tổ chức các kỳ thi thăng hạng

Dự kiến địa điểm tổ chức các kỳ thi thăng hạng năm 2017 theo thông báo cụ thể tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD ngày 13/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

IV. THỦ TỤC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ VIÊN CHỨC DỰ THI THĂNG HẠNG

1. Viên chức đăng ký dự thi

Viên chức có đủ điều kiện đăng ký dự thi phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi và thực hiện nghiêm túc các quy định của kỳ thi.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cử viên chức dự thi

2.1. Tổ chức rà soát lại toàn bộ danh sách đã gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp năm 2016 và bổ sung đầy đủ các thông tin theo Danh sách được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi kèm theo Công văn này.

Đối với viên chức giảng dạy dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I), đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ sung hồ sơ còn thiếu theo thống kê tại danh sách kèm theo (nếu có) để đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.

Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn CDNN viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập (bao gồm: Đại học quốc gia, đại học vùng, học viện, trường đại học, trường cao đẳng công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân) và được áp dụng đối với viên chức làm công tác giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Tuy nhiên, viên chức giảng dạy tại các trường cao đẳng thuộc quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường cao đẳng sư phạm) hiện nay chưa có quy định mã số và tiêu chuẩn riêng. Vì vậy, để kịp thời đảm bảo quyền lợi về chế độ chính sách cho đội ngũ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ đã thống nhất tổ chức thi chung trong kỳ thi năm 2017, đề nghị Quý Cơ quan xin ý kiến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nếu được đồng ý thì tổng hợp và gửi danh sách viên chức đủ điều kiện dự thi của các trường cao đẳng nói trên về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng CDNN sau khi đã rà soát của Bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo phải do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cấp có thẩm quyền ký, kèm theo danh sách (*theo mẫu đính kèm*) để tổng hợp gửi Bộ Nội vụ thẩm định theo quy định (*Lưu ý: Chỉ gửi danh sách viên chức đủ điều kiện dự thi*).

2.3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ sở GDĐH, các trường cao đẳng sư phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm về

điều kiện của viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng CDNN do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử dự thi.

2.4. Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức rà soát và ghi rõ trường hợp được miễn thi (bằng tốt nghiệp đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài cấp; bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ; chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định đối với trường hợp miễn thi ngoại ngữ hoặc bằng tốt nghiệp (trung cấp/cao đẳng/đại học/thạc sĩ/tiến sĩ) đối với trường hợp miễn thi tin học. Hội đồng thi thăng hạng sẽ tổ chức kiểm tra bản gốc văn bằng (có kèm theo giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành), chứng chỉ nói trên trực tiếp tại điểm thi khi viên chức làm thủ tục dự thi.

Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) và hồ sơ bổ sung của viên chức giảng dạy dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo danh sách Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát gửi kèm) gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 10/9/2017** (theo dấu bưu điện nơi gửi) theo địa chỉ: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, tòa nhà 8C, ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội; điện thoại: 04.3623.0603/04.3623.0604. Đề nghị Quý Đơn vị gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phông chữ Times New Roman qua địa chỉ email: ptsbang@moet.edu.vn và trannga@moet.edu.vn. Quá thời hạn nêu trên đơn vị nào không gửi văn bản coi như không có nhu cầu dự thi thăng hạng CDNN năm 2017.

Các cơ sở GDĐH, trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức rà soát theo quy định (tại mục 2, phần IV), gửi công văn kèm theo danh sách về Hội đồng thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo địa chỉ như trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm về điều kiện của viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng CDNN do đơn vị cử dự thi.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục) để giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo),
- Công thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Ga

Tên Bộ, ngành, địa phương:

Mẫu số 4a

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2017**
(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm 2017 của

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy) | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng | | Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ chuyên môn | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi | | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Có đề án, công trình khoa học theo quy định | Được miễn thi | | Ngoại dang kỳ ngành | Ngoại dang kỳ ngành | | |
|-----|--------------|-------------------------------------|--|--|------------------------------------|--|--|--|---|------------------------------|---|----|------------------------|-----------------------------|--|---------------|----|---------------------------|---------------------------|---|--|
| | | Hệ số hưởng | hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ | | | | Chứng chỉ hỏi đường NVSĐ cho giảng viên | Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II) | | | 15 | 16 | | | | 17 | 18 | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị A | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 1 | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Danh sách này có: người.

..... ngày tháng năm 2017

Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: **Đề nghị Quý Đơn vị:**

- 1) Gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phong chữ Times New Roman qua địa chỉ email: pstkang@moet.edu.vn và tramnga@moet.edu.vn.
- 2) Các 3, 4 đã được đính dạng text, đề nghị phân cách ngày tháng năm bằng dấu chấm, cột 6 chỉ ghi tên trường đại học/cao đẳng; cột 7 ghi rõ số năm, tháng tính đến hết ngày 30/9/2017.
- 3) Cột 11 ghi cụ thể "cổ", cột 12 ghi cụ thể "cổ" hoặc "không", cột 15 ghi "đủ" (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu đối với tất cả các cột này).
- 4) Cột 16, 17 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (VD: B1/B2/TOEFL PBT 500 điểm/TOEFL CBT 173 điểm, Văn bằng 2, TNNN... đối với miễn thi ngoại ngữ; TC/CĐ/DH/THS/TS đối với miễn thi tin học).
- 5) Cột 18 ghi rõ ngoại ngữ đang kỳ thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung Quốc):
 - Khóit ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.
 - Khóit ngành II: Nghệ thuật.
 - Khóit ngành III: Kinh doanh quản lý; Pháp luật.
 - Khóit ngành IV: Khoa học sư sồng; Khoa học tự nhiên.
 - Khóit ngành V: Toán và thông kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông lâm và thủy sản; Thú y.
 - Khóit ngành VI: Sức khỏe.
 - Khóit ngành VII: Nhân văn; Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Dịch vụ xã hội; Khách sạn, du lịch, thể thao và du lịch cá nhân; Dịch vụ văn tài; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh - Quốc
- 7) Cột 20 ghi số 1/2/3/4/5/6/7 theo phân chia cụm thi tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGC/BQLCSGD.

Tên Bộ, ngành, địa phương:

Mẫu số 4b

**DANH SÁCH VIỆN CHỨC CỘ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỰ GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I) NĂM 2017**
(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm 2017 của

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy) | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ hạng (kể từ thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng | | Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ chuyên môn | Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên | Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I) | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Có đề án, công trình khoa học theo quy định | Được miễn thi | | Ngoại ngữ đăng ký ngành | Ghi chú | |
|-----|--------------|-------------------------------------|-------|--|------------------------------------|--|-------------------------|---|---|------------------------------|--|---|------------------------|-----------------------------|--|---------------|----|----------------------------------|---------|----|
| | | Hệ số lương | hưởng | | | | Ngoại ngữ | 1 | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị A | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Danh sách này có: người.

..... ngày tháng năm 2017
Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: **Đã nghỉ Quý Đơn vị:**

- 1) Gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phông chữ Times New Roman qua địa chỉ email: psabong@moet.edu.vn và trannga@moet.edu.vn;
- 2) Các 3, 4 đã được định dạng text, để nghị phân cách ngày tháng năm bằng dấu chấm; cột 6 chỉ ghi tên trường đại học/cao đẳng; cột 7 ghi rõ số năm, tháng tính đến hết ngày 30/9/2017;
- 3) Các 11 ghi cụ thể "cô", cột 12 ghi cụ thể "cô" hoặc "chồng", cột 15 ghi "đi" (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu đối với tất cả các cột này);
- 4) Các 16, 17 ghi rõ bằng cấp, chương chỉ được miễn thi (VD: B1/B2/TOEFL PBT 500 điểm/TOEFL CRT 173 điểm, 2, TNNN... đối với miễn thi ngoại ngữ; TC/CE/DH/THSTS đối với miễn thi tin học);
- 5) Các 18 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung Quốc);
- 6) Các 19 ghi khối ngành theo ký hiệu: Khối ngành I, Khối ngành II, Khối ngành III, Khối ngành IV, Khối ngành V, Khối ngành VI, Khối ngành VII, trong đó:
 - Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.
 - Khối ngành II: Nghệ thuật.
 - Khối ngành III: Kinh doanh quản lý; Pháp luật.
 - Khối ngành IV: Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên.
 - Khối ngành V: Toán và thông kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông lâm và thủy sản; Thú y.
 - Khối ngành VI: Sức khỏe.
 - Khối ngành VII: Nhân văn; Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Dịch vụ xã hội; Khách sạn, du lịch, thể thao và du lịch cá nhân; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh - Quốc phòng.

Số: *102* /BGDDĐT-NGCBQLCSGD
V/v tổ chức thi thăng hạng chức danh
nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I),
giảng viên chính (hạng II) năm 2016

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2016

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng công lập.

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (Thông tư số 12/2012/TT-BNV); Công văn số 1732/BNV-CCVC ngày 15/4/2016 của Bộ Nội vụ về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể một số nội dung trong việc tổ chức thi thăng hạng từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) và từ giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I) trong các đại học, học viện, trường đại học (sau đây gọi chung là các trường đại học) và các trường cao đẳng công lập năm 2016 như sau:

I. THI THĂNG HẠNG TỪ GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)

1. Đối tượng dự thi

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03, đang làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, trường cao đẳng công lập.

2. Điều kiện dự thi

Viên chức được đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- a) Trường đại học, trường cao đẳng có nhu cầu;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 3 năm liên tục gần nhất (năm 2013, năm 2014, năm 2015) và tới thời điểm cử dự thi; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc không đang trong thời gian cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật;
- c) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;
- đ) Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV), cụ thể như sau:

- Chủ trì thực hiện ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

- Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 sách phục vụ đào tạo (giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt) được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo;

- Có ít nhất 03 bài báo khoa học đã được công bố (bao gồm: Bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học; báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo; kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ).

e) Viên chức dự thi phải có thời gian giữ ngạch giảng viên, mã số: 15.111 hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch giảng viên, mã số: 15.111 tối thiểu là 02 năm.

Viên chức trước khi đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số: V.07.01.02 phải được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số: V.07.01.03 quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV. Việc thực hiện bổ nhiệm theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 06/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

3. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính phải dự thi đủ các bài thi sau:

a) Bài thi kiến thức chung:

- Nội dung thi: Kiểm tra những hiểu biết về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng; xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam; vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường; các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học; quan điểm, định hướng chiến lược phát triển của ngành/chuyên ngành đào tạo và của nhà trường; pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính.

- Hình thức thi: Viết

- Thời gian thi: 180 phút.

b) Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ:

- Nội dung thi: Viên chức dự thi chuẩn bị bản báo cáo dưới dạng một công trình khoa học tổng quan về kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học của bản thân từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng. Nội dung của báo cáo tổng quan bao gồm các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dự thi quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV.

Viên chức dự thi phải trình bày tóm tắt bản báo cáo tổng quan trước Hội đồng và trả lời phỏng vấn của giám khảo.

Lưu ý: Các kết quả trình bày trong bản báo cáo tổng quan phải có tài liệu minh chứng cụ thể và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các minh chứng này.

- Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.
- Thời gian thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

c) Bài thi ngoại ngữ:

- Nội dung thi: Kiểm tra các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung.

Trường hợp là giảng viên dạy ngoại ngữ thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Hình thức thi: Viết và vấn đáp.
- Thời gian thi: Viết 90 phút; Vấn đáp không quá 15 phút (gồm chuẩn bị và trình bày).

d) Bài thi Tin học văn phòng:

- Nội dung thi: Kiểm tra hiểu biết về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Hình thức thi: Thực hành trên máy tính
- Thời gian thi: 45 phút.

4. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ, tin học

a) Miễn thi bài thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Viên chức có bằng đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ;
- Viên chức tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài.

b) Miễn thi bài thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

5. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) (theo mẫu số 1a đính kèm);

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc sử dụng viên chức (theo mẫu số 2 đính kèm);

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý (theo mẫu số 3a đính kèm);

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, bao gồm:

- Bằng tiến sĩ hoặc bằng thạc sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên.

đ) Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, đề tài, bài báo khoa học và biên soạn sách phục vụ đào tạo có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý (kèm theo bản sao các quyết định, biên bản nghiệm thu được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và các sản phẩm).

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

6. Thủ tục và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương và viên chức dự thi thăng hạng

a) Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm thông báo công khai trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý về văn bản hướng dẫn tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2016 để mọi viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi.

b) Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều có quyền đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

c) Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ tuyển và cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả sơ tuyển. Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng lên giảng viên chính (hạng II) của Bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo phải do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý viên chức ký, kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi (theo mẫu số 4a đính kèm).

Hồ sơ đăng ký dự thi của viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng lên giảng viên chính (hạng II) được lưu giữ, quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV.

Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị Bộ, ngành, địa phương gửi kèm theo bản sao (được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực) các văn bằng, chứng chỉ làm căn cứ xét miễn thi bài thi ngoại ngữ, tin học theo quy định để Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định.

II. THI THĂNG HẠNG TỪ GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I)

1. Đối tượng dự thi

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02, đang làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, trường cao đẳng công lập.

2. Điều kiện dự thi

Viên chức được đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Trường đại học, trường cao đẳng có nhu cầu;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 3 năm liên tục gần nhất (năm 2013, năm 2014, năm 2015) và tới thời điểm cử dự thi; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc không đang trong thời gian cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật;

c) Có bằng tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

đ) Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể như sau:

- Chủ trì thực hiện ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

- Hướng dẫn ít nhất 02 học viên đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ hoặc hướng dẫn ít nhất 01 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành thuộc nhóm ngành khoa học sức khỏe, hướng dẫn 01 học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa cấp II tương đương với hướng dẫn 01 học viên bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành nghệ thuật có thể thay thế việc hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh bằng 01 công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng có uy tín trong và ngoài nước.

Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp hai lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã quy định.

- Chủ trì biên soạn ít nhất 02 sách phục vụ đào tạo (giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt) được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo;

- Có ít nhất 06 bài báo khoa học đã được công bố (bao gồm: Bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học; báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế được đăng tải trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo; kết quả ứng dụng khoa học, công nghệ).

e) Viên chức dự thi phải có thời gian giữ ngạch giảng viên chính, mã số: 15.110 hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch giảng viên chính, mã số: 15.110 tối thiểu là 02 năm.

Viên chức trước khi đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số: V.07.01.01 phải được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số: V.07.01.02 quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV. Việc thực hiện bổ nhiệm

theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 06/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

3. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp phải dự thi đủ các bài thi sau:

a) Bài thi kiến thức chung:

- Nội dung thi: Kiểm tra những hiểu biết về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng; xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam; vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường; các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học; quan điểm, định hướng chiến lược phát triển của ngành/chuyên ngành đào tạo và của nhà trường; pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp.

- Hình thức thi: Viết

- Thời gian thi: 180 phút.

b) Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ:

- Nội dung thi: Viên chức dự thi chuẩn bị bản báo cáo dưới dạng một công trình khoa học tổng quan về kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học của bản thân từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng. Nội dung của báo cáo tổng quan bao gồm các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp dự thi quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV.

Viên chức dự thi phải trình bày tóm tắt bản báo cáo tổng quan trước Hội đồng và trả lời phỏng vấn của giám khảo một phần hoặc một số câu hỏi về nội dung báo cáo bằng tiếng nước ngoài do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung.

Lưu ý: Các kết quả trình bày trong bản báo cáo tổng quan phải có tài liệu minh chứng cụ thể và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các minh chứng này.

- Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.

- Thời gian thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

4. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) (theo mẫu số 1b đính kèm);

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV, có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc sử dụng viên chức (theo mẫu số 2 đính kèm);

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý (*theo mẫu số 3b đính kèm*);

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, bao gồm:

- Bằng tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;
- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên.

đ) Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, đề tài, bài báo khoa học và biên soạn sách phục vụ đào tạo, hướng dẫn học viên/nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ/luận án tiến sĩ theo quy định có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý (kèm theo bản sao các quyết định, biên bản nghiệm thu được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và các sản phẩm).

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

5. Thủ tục và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương và viên chức dự thi thăng hạng

a) Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm thông báo công khai trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý về văn bản hướng dẫn tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I) năm 2016 để mọi viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi.

b) Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều có quyền đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

c) Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ tuyển và cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả sơ tuyển. Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng lên giảng viên cao cấp (hạng I) của Bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo phải do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý viên chức ký, kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi (*theo mẫu số 4b đính kèm*).

Hồ sơ đăng ký dự thi của viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng lên giảng viên cao cấp (hạng I) phải gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp gửi Bộ Nội vụ lưu giữ và quản lý theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV.

III. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CÁC KỲ THI THĂNG HẠNG

1. Dự kiến thời gian tổ chức các kỳ thi thăng hạng

Kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp dự kiến tổ chức vào quý IV năm 2016.

2. Dự kiến địa điểm tổ chức các kỳ thi thăng hạng

a) Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính: Dự kiến tổ chức thành 7 đợt tại 7 cụm thi như sau:

- Cụm thi số 1: Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (Tỉnh Thái Nguyên), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 11 tỉnh/thành phố: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La và Thái Nguyên.

- Cụm thi số 2: Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Tp. Hà Nội), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 14 tỉnh/thành phố: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hòa Bình, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình và Ninh Bình.

- Cụm thi số 3: Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Vinh (Nghệ An), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 4 tỉnh/thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

- Cụm thi số 4: Dự kiến tổ chức tại Đại học Đà Nẵng (Tp. Đà Nẵng), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 6 tỉnh/thành phố: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Kon Tum.

- Cụm thi số 5: Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Nha Trang (Khánh Hòa), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 8 tỉnh/thành phố: Bình Định, Gia Lai, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Lâm Đồng và Ninh Thuận.

- Cụm thi số 6: Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (Tp. Hồ Chí Minh), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 7 tỉnh/thành phố: Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Cụm thi số 7: Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Cần Thơ (Tp. Cần Thơ), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 13 tỉnh/thành phố: Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang và Cà Mau.

b) Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp: Dự kiến tổ chức tập trung tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Tp. Hà Nội).

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương triển khai công văn này tới toàn thể viên chức giảng dạy trong các trường đại học, trường cao đẳng thuộc thẩm quyền quản lý được biết và đăng ký dự thi đảm bảo công khai, minh bạch.

Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng của Bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/7/2016 (theo dấu bưu điện nơi gửi) theo địa chỉ: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, tòa nhà 8C, ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội; điện thoại: 04.3623.0603. Đề nghị Quý Đơn vị gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phông chữ Times New Roman qua địa chỉ email: trannga@moet.edu.vn. Quá thời hạn nêu trên đơn vị nào không gửi văn bản coi như không có nhu cầu dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2016.

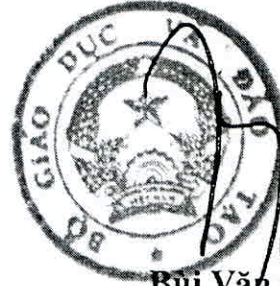
Các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức sơ tuyển và cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định gửi kèm công văn về Hội đồng thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo địa chỉ như trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả sơ tuyển.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục) để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, NGCBQLCSGD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bui Văn Ga
Bui Văn Ga

THÔNG TƯ

Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2785/BNV-CCVC ngày 26 tháng 5 năm 2017 về việc dự thảo Thông tư Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) và từ giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I).

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập được áp dụng quy định tại Thông tư này để tham gia dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc thi thăng hạng

1. Việc cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và nhu cầu của cơ sở giáo dục đại học công lập.

2. Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều kiện dự thi

Viên chức được cử đi dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên khi có đủ các điều kiện sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học công lập có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 đối với viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02; đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 đối với viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01.

3. Được thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học đánh giá có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

4. Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Điều 4. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II); chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 500 điểm, TOEFL

CBT 173 điểm, TOEFL iBT 61 điểm, IELTS 5,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I).

Các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại điểm này còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại khoản 1 Điều này phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

Điều 5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)

Điều 6. Bài thi kiến thức chung

1. Nội dung thi:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng;

b) Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam;

c) Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học;

d) Vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường;

d) Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường;

e) Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II);

g) Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%.

2. Hình thức thi: Tự luận.

3. Thời gian thi: 180 phút.

Điều 7. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

1. Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

2. Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.

3. Thời gian thi thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

Điều 8. Bài thi ngoại ngữ

1. Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 (B1) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

2. Hình thức thi: Viết.

3. Thời gian thi: 90 phút.

Điều 9. Bài thi tin học

1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

2. Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính.

3. Thời gian thi: 45 phút.

Chương III**NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I)****Điều 10. Bài thi kiến thức chung**

1. Nội dung thi:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng;

b) Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam;

c) Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học;

d) Vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường;

đ) Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường;

e) Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I);

g) Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%.

2. Hình thức thi: Tự luận.

3. Thời gian thi: 180 phút.

Điều 11. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

1. Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

2. Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.

3. Thời gian thi thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

Điều 12. Bài thi ngoại ngữ

1. Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết, nghe và nghe nói (hội thoại) ở trình độ bậc 4 (B2) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I).

2. Hình thức thi: Viết và phỏng vấn (hội thoại).

3. Thời gian thi: Viết 90 phút và phỏng vấn (hội thoại) 15 phút.

Điều 13. Bài thi tin học

1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I).

2. Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy tính.

3. Thời gian thi: 45 phút.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào điều kiện quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền được giao cử viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức trước ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày công bố kết quả thi thăng hạng thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải có trách nhiệm cử viên chức đã tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi.

Trường hợp viên chức được cử đi bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi mà không tham gia khóa bồi dưỡng hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm viên chức vào hạng chức danh nghề nghiệp trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2017.

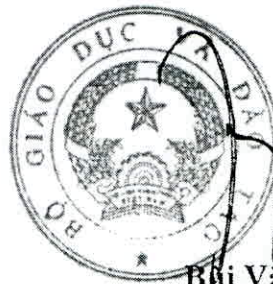
2. Quyết định số 44/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định nội dung và hình thức thi nâng ngạch giảng viên lên ngạch giảng viên chính trong các trường đại học và cao đẳng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và Các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia giáo dục và Phát triển nhân lực;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, Thứ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ GD&ĐT;
- Sở GD&ĐT, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ sở giáo dục đại học công lập, các trường cao đẳng Sư phạm;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục NGCBQLGD (25b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bui Văn Ga
Bui Văn Ga

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
Từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II)

Kính gửi:

Đồng kính gửi:

Tên tôi là (chữ in hoa): Nam (nữ):

Ngày tháng năm sinh:

Nơi ở hiện nay:

Đơn vị công tác (khoa, trường):

Chức vụ:

Trình độ chuyên môn cao nhất:

Ngày tháng năm được tuyển dụng vào biên chế:

Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay: mã số:

Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay:

Hệ số lương hiện hưởng: ngày tháng năm xếp: / /

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II) tại Công văn số ngày của và các văn bản hiện hành khác, tôi tự đánh giá

.....

.....

.....

.....

Tôi làm đơn này kính đề nghị xem xét cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II).

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tài liệu gửi kèm theo đơn này gồm có:, ngày tháng năm

1.
2.
3.
4.
5.
6.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
Từ Giảng viên chính (hạng II) lên Giảng viên cao cấp (hạng I)

Kính gửi:

Đồng kính gửi:.....

Tên tôi là (chữ in hoa): Nam (nữ):

Ngày tháng năm sinh:

Nơi ở hiện nay:

Đơn vị công tác (khoa, trường):

Chức vụ:

Trình độ chuyên môn cao nhất:

Ngày tháng năm được tuyển dụng vào biên chế:

Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay: mã số:

Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay:

Hệ số lương hiện hưởng: ngày tháng năm xếp: / /

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên chính (hạng II) lên Giảng viên cao cấp (hạng I) tại Công văn số ngày của và các văn bản hiện hành khác, tôi tự đánh giá

.....
.....
.....
.....

Tôi làm đơn này kính đề nghị xem xét cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên chính (hạng II) lên Giảng viên cao cấp (hạng I).

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tài liệu gửi kèm theo đơn này gồm có:, ngày tháng năm

1.
2.
3.
4.
5.
6.

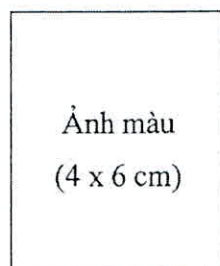
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu SYLLVC ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý viên chức..... Số hiệu viên chức:

Cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC



- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
- 2) Tên gọi khác:.....
- 3) Sinh ngày:tháng.....năm....., Giới tính (nam, nữ):
4. Nơi sinh: Xã, Huyện....., Tỉnh
- 5) Quê quán: Xã, Huyện....., Tỉnh
- 6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- (Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:
- (Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:
- 11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:
- (Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao:
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:Mã số:
- Bậc lương:..., Hệ số:..., Ngày hưởng:/...../....., Phụ cấp chức vụ:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:
- (TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3- Lý luận chính trị:15.4- Quản lý nhà nước:.....
- (Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự)
- 15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.....
- 15.6- Ngoại ngữ:15.7- Tin học:.....
- (Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../....., Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội:
- (Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:/...../....., Ngày xuất ngũ:/...../....., Quân hàm cao nhất:
- 19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:

29) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

| | | | | | | | | | |
|-------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Tháng/năm | | | | | | | | | |
| Mã CDNN/bậc | | | | | | | | | |
| Hệ số lương | | | | | | | | | |

30) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HOẶC SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người khai
Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây
là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày....tháng.....năm 20.....
**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý
hoặc sử dụng viên chức**
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC
(Dùng cho thi thăng hạng Giảng viên chính)

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....
.....
.....

2 - Năng lực chuyên môn:

.....
.....
.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....
.....
.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....
.....
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ giảng dạy ở chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính, chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà) tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên lên Giảng viên chính năm

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC
(Dùng cho thi thăng hạng Giảng viên cao cấp)

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....
.....
.....

2 - Năng lực chuyên môn:

.....
.....
.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....
.....
.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....
.....
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ giảng dạy ở chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp, chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà) tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên chính lên Giảng viên cao cấp năm

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Tên Bộ, ngành, địa phương:

Mẫu số 4a

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2016

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy) | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng | | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi | | | | Được miễn thi | | Ngoại ngữ đăng ký thi | Ghi chú | | |
|----|-----------|----------------------------------|----|---------------------------------|------------------------------|--|----------------------|---|--|---|--------------------------------------|------------------|--------------------|---------|-----------------------|---------|-----------|----|
| | | Nam | Nữ | | | | Hệ số lương | Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ chuyên môn | Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên | Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Tin học | | | Ngoại ngữ | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Danh sách này có: người.

....., ngày tháng năm 2016
Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Đề nghị Quý Đơn vị gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phong chữ Times New Roman qua địa chỉ email: tramga@moe.edu.vn;
- Kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2016, thí sinh phải có các văn bằng, chứng chỉ ghi tại cột 10 và 11.

Tên Bộ, ngành, địa phương:

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THIĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG I) LÊN GIÁNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG II) NĂM 2016**

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy) | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng | | Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi | | | | Có đề án, công trình khoa học | Ngoại ngữ đăng ký trình bày | Ghi chú | |
|----|-----------|----------------------------------|----|---------------------------------|------------------------------|--|----------------------|-----------|---|--|---|--|------------------|-------------------------------|-----------------------------|---------|--------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | Hệ số lương | Thăng cấp | | Trình độ chuyên môn | Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên | Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp | Trình độ tin học | | | | Trình độ ngoại ngữ |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Danh sách này có: người.

....., ngày tháng năm 2016
Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Đề nghị Quý Đơn vị gửi bản mềm dưới dạng file * .xls với phong chữ Times New Roman qua địa chỉ email: trannga@moet.edu.vn;
- Kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2016, thí sinh phải có các văn bằng, chứng chỉ ghi tại cột 10 và 11.

Kính gửi: Quý Đơn vị

Để giảng viên tham dự kỳ thi thặng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I), giảng viên chính (hạng II) kịp thời cập nhật các thông tin liên quan đến kỳ thi, đề nghị Quý Đơn vị cung cấp 1 số thông tin liên quan đến đầu mối triển khai công việc, bao gồm đầu mối tại Bộ, ngành/địa phương và trường trực thuộc Bộ, ngành/địa phương, theo mẫu sau:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Bộ, ngành, địa phương:

| Stt | Họ và tên | Cơ quan/Đơn vị | Điện thoại (CD,DD) | Email | Ghi chú |
|-----|-----------|----------------|-----------------------|-------|---------|
| 1. | | | | | |
| 2. | | | | | |
| 3. | | | | | |
| 4. | | | | | |
| 5. | | | | | |
| ... | | | | | |

DỰ KIẾN ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CÁC KỲ THI THĂNG HẠNG

(Trích Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD ngày 13/5/2016)

**1. Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính:
Dự kiến tổ chức thành 7 đợt tại 7 cụm thi như sau:**

- **Cụm thi số 1:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (Tỉnh Thái Nguyên), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 11 tỉnh/thành phố: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La và Thái Nguyên.

- **Cụm thi số 2:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Tp. Hà Nội), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 14 tỉnh/thành phố: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hòa Bình, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình và Ninh Bình.

- **Cụm thi số 3:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Vinh (Nghệ An), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 4 tỉnh/thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

- **Cụm thi số 4:** Dự kiến tổ chức tại Đại học Đà Nẵng (Tp. Đà Nẵng), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 6 tỉnh/thành phố: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Kon Tum.

- **Cụm thi số 5:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Nha Trang (Khánh Hòa), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 8 tỉnh/thành phố: Bình Định, Gia Lai, Phú yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Lâm Đồng và Ninh Thuận.

- **Cụm thi số 6:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (Tp. Hồ Chí Minh), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 7 tỉnh/thành phố: Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Cụm thi số 7:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Cần Thơ (Tp. Cần Thơ), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 13 tỉnh/thành phố: Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang và Cà Mau.

2. Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp: Dự kiến tổ chức tập trung tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Tp. Hà Nội).
